TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2019
V/v *"tranh chấp ly hôn"*

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm N dân: 1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Nguyễn Đỗ Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát N dân huyện Châu Đức: Bà Ngô Thị Hồng Phương.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 07 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 48A/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân H, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp 1, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 14, ấp Sơn Lập, xã Sơn Bình, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản khai, các biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn ông Bùi Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn N: Ông Bùi Xuân H và bà Phan Thị N chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 4 năm 2009 tại UBND xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, hôn N dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N mâu thuẫn giữa ông H và bà N là do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, nguyên N nữa là do bà N bất hòa với mẹ chồng dẫn đến đời sống vợ chồng càng ngày càng lạnh nhạt không thể chung

sống với nhau được nữa. Đến tháng 7 năm 2018 bà N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột bà N ở, vợ chồng sống ly thân từ lúc đó cho đến nay. Từ lúc ly thân ông H và bà N mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu Tòa án cho ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Bùi Xuân H và bà Phan Thị N có 01 người con chung là Bùi Công Thành, sinh ngày 15-02-2010, con hiện đang sống chung với bà N từ lúc bà N và ông H sống ly thân đến bây giờ. Nay ông H đồng ý để cho bà N được quyền trực tiếp nuôi con là Bùi Công Thành, ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa ngày hôm nay bị bà Phan Thị N trình bày:

Bà Phan Thị N và ông Bùi Xuân H chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 4 năm 2009 tại UBND xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, hôn N dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì bà N và ông H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N mâu thuẫn là do bà N và ông H tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã nhau về vấn đề tài chính trong gia đình, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ông H thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn về còn đánh đập bà N, ghen tuông vô cớ, không chăm lo cuộc sống gia đình, ông H còn có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và tự ý bỏ nhà đi nhiều lần. Đến tháng 7 năm 2018 bà N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột bà N ở, vợ chồng sống ly thân từ lúc đó cho đến nay mạnh ai nấy sống không quan tâm chăm sóc nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông H không còn, bà N không muốn sống chung với ông H nữa nhưng do đạo Công giáo không được phép ly hôn nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu cầu của ông H.

Về con chung: Bà Phan Thị N và ông Bùi Xuân H có 01 người con chung là Bùi Công Thành, sinh ngày 15-02-2010, con hiện đang sống chung với bà N từ lúc bà N và ông H sống ly thân đến bây giờ. Nay bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không

chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

Nội dung: Về ly hôn: Đề nghị chấp chận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Xuân H đối với bà Phan Thị N.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Bùi Công Thành, sinh ngày 15-02-2010 cho bà Phan Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo qui định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về mức cấp dưỡng nuôi con, ông Bùi Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Bùi Công Thành, sinh ngày 15-02-2010 hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Xuân H và bà Phan Thị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Bùi Xuân H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn N và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Bị đơn bà Phan Thị N có địa chỉ tại tổ 14, ấp Sơn Lập, xã Sơn Bình, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn N: Ông Bùi Xuân H và bà Phan Thị N chung sống vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 4 năm 2019 tại UBND xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, hôn N dựa trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn N gia đình quan hệ hôn N giữa ông H và bà N là hôn N hợp pháp. Theo lời trình bày của ông H và bà N thì mâu thuẫn gia đình giữa ông H và bà N là có thật và ngày càng trầm trọng dẫn đến việc ông H và bà N đã sống ly thân từ tháng 7 năm năm 2018 đến nay mỗi người sống mỗi nơi, mạnh ai nấy sống không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Xuân H đối với bà Phan Thị N.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Ông Bùi Xuân H và bà Phan Thị N có 01 người con chung là Bùi Công Thành, sinh ngày 15-02-2010, con hiện đang sống chung với bà N tại nhà cha mẹ ruột của bà N và được bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà N hiện đang làm bác sĩ tại bệnh viện Bà Rịa, có thu nhập ổn đinh và nơi ở ổn định.

Như vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của cháu Thành, tránh cuộc sống hiện tại của cháu Thành bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu Thành và cũng phù hợp với nguyện vọng của ông H, bà N và cháu Thành Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu Thành cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bà Phan Thị N yêu cầu ông Bùi Xuân H cấp dưỡng nuôi con là Bùi Công Thành hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông H cũng đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mà bà N yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Phan Thị N là chính đáng, ông Bùi Xuân H cũng đồng với yêu cầu của bà N nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, ông Bùi Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo qui định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Xuân H và bà Phan Thị N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Bùi Xuân H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn N sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn N và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân H được ly hôn với bà Phan Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Công Thành, sinh ngày 15-02-2010 cho bà Phan Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo qui định của pháp luật.

Cấp dưỡng: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, ông Bùi Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Bùi Công Thành, sinh ngày 15-02-2010 hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ mỗi tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo qui định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông Bùi Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá N, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn N và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Xuân H và bà Phan Thị N Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí*:* Ông Bùi Xuân H phải nộp 300.000đ án phí hôn N sơ thẩm và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0007478, ngày 02 tháng 07 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, như vậy ông H còn phải nộp 300.000đ án phí. Bà Phan Thị N không phải chịu án phí.

5. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (19-11-2019).

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND xã Hòa Bình, H. Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thu Hiền